

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 269/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 15/05/2026

V/v: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Kim Nhung

- Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Bình

Ông Đoàn Văn Đức

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Phú Huy - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Diệu Ny - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 05 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2026/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2026 về: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 04 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 93/2026/QĐST-DS ngày 28 tháng 04 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Vũ Thị M**, sinh năm: 1979; CCCD số: 038179021909. Nơi cư trú: C Chung cư A V, phường S, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

Bị đơn: Ông **Nguyễn Quang H**, sinh năm: 1976; CCCD số: 038076007882. Nơi cư trú: C Chung cư A V, phường S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Vũ Thị M trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Quang H kết hôn với nhau năm 2001, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã Q, tỉnh

Thanh Hóa) theo Giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/01/2001. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc ai. Sau khi kết hôn và chung sống đến năm 2010 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn là: ông H làm ăn bị vỡ nợ, phải bán hết tài sản để trả nợ, không chăm lo gia đình, ít khi về nhà, vợ chồng không hòa hợp và thường xuyên cãi vã, quan hệ ngày càng bất hòa, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Mặc dù cả hai vợ chồng đều đã cho nhau cơ hội để hàn gắn, hòa giải nhưng vẫn không có kết quả. Nay bà Vũ Thị M xác định không còn tình cảm yêu thương ông Nguyễn Quang H nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Quang H.

- Về quan hệ con chung: Bà Vũ Thị M xác định bà và ông Nguyễn Quang H có 03 con chung là: Nguyễn Vũ Cẩm L, sinh ngày 18/8/2002; Nguyễn Vũ Khánh L1, sinh ngày: 03/5/2007 và Nguyễn Nhật M1, sinh ngày 29/9/2016. Ly hôn bà M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Nhật M1 và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung 7.000.000đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Đối với con chung Nguyễn Vũ Cẩm L và Nguyễn Vũ Khánh L1 đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay tại phiên tòa bà xin thay đổi mức đề nghị cấp dưỡng con chung Nguyễn Nhật M1 từ 7.000.000đồng/tháng xuống còn 3.000.000đồng/tháng.

- Về tài sản chung: Bà Vũ Thị M xác định không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Bà Vũ Thị M xác định không có nợ chung.

** Bị đơn ông Nguyễn Quang H đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập họp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Nguyễn Quang H vắng mặt không lý do, không có ý kiến.*

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Đà Nẵng phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Theo đó, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn đã tuân thủ đúng pháp luật, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” của bà Vũ Thị M với ông Nguyễn Quang H:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị M được ly hôn với ông Nguyễn Quang H.
- Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Nhật M1, sinh ngày 29/9/2016 cho bà Vũ Thị M trực tiếp nuôi dưỡng. Ông H cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Đối với con chung Nguyễn Vũ Cẩm L, sinh ngày 18/8/2002; Nguyễn Vũ Khánh L1, sinh ngày: 03/5/2007 đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường nên không xem xét, giải quyết.
- Về tài sản chung: Bà Vũ Thị M xác định không có tài sản chung nên không đề cập giải quyết.
- Về nợ chung: Bà Vũ Thị M xác định không có nợ chung nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết tranh chấp ly hôn giữa ông Nguyễn Quang H và bà Vũ Thị M thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Bị đơn ông Nguyễn Quang H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Bà Vũ Thị M và ông Nguyễn Quang H kết hôn năm 2001. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã Q, tỉnh Thanh Hóa). Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà M khai rằng sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng ông bà thường xuyên cãi vã, không còn tiếng nói chung, không thể hòa hợp, cuộc sống

hôn nhân không còn hạnh phúc. Mặc dù đã nhiều lần cả hai cho nhau cơ hội để hàn gắn tuy nhiên đều không có kết quả. Bà M nhận thấy mâu thuẫn của vợ chồng đã rất trầm trọng nên xin được ly hôn với ông Nguyễn Quang H.

[5] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Vũ Thị M thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự hạnh phúc khi có sự chung thủy, yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Việc bị đơn ông Nguyễn Quang H không đến tham gia hòa giải, không tham gia phiên tòa cho thấy ông không còn muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, đời sống chung giữa hai người đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được.

Xét thấy, mâu thuẫn của vợ chồng đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định cho bà M được ly hôn ông H là hoàn toàn phù hợp với Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[6] Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Nhật M1, sinh ngày 29/9/2016 cho bà Vũ Thị M trực tiếp nuôi dưỡng. Ông H cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Đối với con chung Nguyễn Vũ Cẩm L, sinh ngày 18/8/2002; Nguyễn Vũ Khánh L1, sinh ngày: 03/5/2007 đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[7] Về tài sản chung: Bà Vũ Thị M xác định không có tài sản chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[8] Về nợ chung: Bà Vũ Thị M xác định không có nợ chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Ông Nguyễn Quang H vắng mặt tại phiên tòa và không có ý kiến trình bày. Do vậy, HĐXX không xem xét giải quyết. Nếu sau này tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì giải quyết bằng một vụ án khác.

[9] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng bà M phải chịu theo quy định của pháp luật.

[10] Các đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 165, Điều 217, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 33, Điều 51, Điều 56, Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” của bà Vũ Thị M đối với ông Nguyễn Quang H.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị M được ly hôn với ông Nguyễn Quang H. Do chấp nhận yêu cầu về việc ly hôn của bà Vũ Thị M đối với ông H nên Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã Q, tỉnh Thanh Hóa) cấp ngày 12/01/2001 không còn giá trị pháp lý theo quy định của pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Nhật M1, sinh ngày 29/9/2016 cho bà Vũ Thị M trực tiếp nuôi dưỡng. Ông H cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Đối với con chung Nguyễn Vũ Cẩm L, sinh ngày 18/8/2002; Nguyễn Vũ Khánh L1, sinh ngày: 03/5/2007 đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về tài sản chung: Bà Vũ Thị M xác định không có tài sản chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Vũ Thị M xác định không có nợ chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Ông Nguyễn Quang H vắng mặt tại phiên tòa và không có ý kiến trình bày. Do vậy, HĐXX không xem xét giải quyết. Nếu sau này tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì giải quyết bằng một vụ án khác.

5. Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) bà M phải chịu theo quy định của pháp luật nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0001590 ngày 25/02/2026 tại Cơ quan thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con ông Nguyễn Quang H phải chịu: 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- VKSND Khu vực 2;
- Phòng THADS khu vực 2;
- Cục THADS TP. Đà Nẵng.
- UBND X. Quảng Ngọc, T.Thanh Hoá
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Kim Nhung

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC THÀNH VIÊN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

